

Bản án số: 05/2019/HC-ST

Ngày 19/4/2019

“V/v khiếu kiện: QĐ phê
duyet phương án bồi thường”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Công Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Kim**

2. Ông **Đặng Đình Thúc**

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:
Bà Đỗ Thị Kiều Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 26/HCST/2018 ngày 14 tháng 3 năm 2018 "về yêu cầu hủy một phần quyết định phê duyệt phương án bồi thường" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST-HC ngày 25/10/2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn S

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Huy H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 32, khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2019).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện V.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Mạc Thành L** – Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Châu Thành H** – Phó chủ tịch. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông **Nguyễn Thanh S** – Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V.
Có mặt.

+ Ông **Trần Văn H** – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V.
Có mặt.

+ Luật sư **Lê Cao L** – Công ty luật T

Địa chỉ: Số 258 đường Nguyễn Văn, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã H;

Đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị A – Chủ tịch

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn N – Phó chủ tịch. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2018)

3.2. Bà Hoàng Thị Q

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Huy H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 32, khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 09/8/2018)

3.3. Công ty TNHH HD M

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn H – Phó Trưởng phòng kế hoạch đầu tư.

Địa chỉ: Thôn 12, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2019)

4. Những người làm chứng

- Người làm chứng:

1. Ông **Lê Văn Q**, năm sinh 1974;

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2. Ông **Lương Văn C**, năm sinh 1956;

Địa chỉ: Thôn 4, xã , h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

3. Ông **Nguyễn Văn D**, năm sinh 1964;

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

4. Ông **Vũ Văn Q**, năm sinh 1976;

Địa chỉ: Thôn 4, xã H h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

5. Bà **Lê Thị** , năm sinh 1971;

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

6. Bà **Trần Thị T**, năm sinh 1971;

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

7. Ông **Nguyễn Văn V**, năm sinh 1959;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đt, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

8. Bà **Đỗ Thị N**, năm sinh 1961;

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

9. Ông **Lê Văn N**, năm sinh 1960;

Địa chỉ: Xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

10. Ông **Bùi Văn T**, năm sinh 1964;

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

11. Ông **Đỗ Minh T**, năm sinh 1963;

Địa chỉ: Thôn 7, xã , h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

12. Ông **Lê Văn B**, năm sinh 1971;

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

13. Bà **Trần Thị T**, năm sinh 1960;

Địa chỉ: Thôn 8, xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

14. Bà **Lê Thị H**, năm sinh 1954;

Địa chỉ: Xã L, thị xã , Y, Quảng Ninh. Vắng mặt.

15. Ông **Hoàng Văn N**, năm sinh 1975;

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

16. Ông **Lê Văn S**, năm sinh 1969;

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, h. V, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

17. Ông **Lê Văn V**, năm sinh 1957;

Địa chỉ: Xóm , xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

18. Ông **Lê Văn S**, năm sinh 1966;

Địa chỉ: Thôn 2, xã , h. V, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

19. Bà **Lê Thị Tuyết M**

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

20. Ông **Phạm Huy Thông**.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, h.T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 14/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 3934C/QĐ-UBND “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Lê Văn S, trú tại thôn A, xã H, huyện Vân Đ, tỉnh Quảng Ninh thuộc dự án: xây dựng quần thể sân golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã H”.

Tại đơn khởi kiện, người khởi kiện ông Lê Văn S có quan điểm cho rằng việc UBND huyện V ban hành Quyết định số 3934C/QĐ-UBND là không đúng, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn S và trình bày:

Tại phương án bồi thường được phê duyệt theo Quyết định số 3934C/QĐ-UBND đã bồi thường một số hạng mục không đúng, đề nghị hủy một phần Quyết định số 3934C/QĐ-UBND và yêu cầu UBND huyện Vân Đ lập lại phương án bồi thường :

-Yêu cầu lập lại phương án phần số thứ tự 1,2,3 Mục A Bồi Thường Phần Đất: Thừa đất số 29, 30B, 45 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 1 Đất nuôi trồng thủy sản đơn giá bồi thường trong phương án là: 20.000 đồng/m² lên giá: 40.000 đồng/m².

- Yêu cầu lập lại hạng mục II Vật kiến trúc: Nhà mái bằng 1 tầng khung chịu lực có gác xép BTCT có cầu thang D 110 Sơn Bả, đơn giá bồi thường trong phương án là: 3.421.822 đồng thành hạng mục: Nhà mái bằng 1 tầng khung chịu lực có gác xép BTCT có cầu thang D 220 Sơn Bả, đơn giá bồi thường phải là: 3.613.652 đồng.

- Yêu cầu lập lại hạng mục Mã tài sản 1063 mục đất đắp bờ ao (có bản vẽ sơ họa và bảng khối lượng bóc tách kèm theo), đơn giá bồi thường trong phương án là: 69.000 đồng/m² thành đơn giá: đất đào đắp thủ công =338.523 đồng theo quyết định 4234.

- Yêu cầu lập lại các hạng mục Vật kiến trúc trên thửa A số 27 tờ bản đồ GPMB số 01 bao gồm các số thứ tự: 1,3,4,6,9,10,22,31,32 và lập lại các hạng mục bể xây trên thửa số 27.

- Yêu cầu lập lại các hạng mục công trình chuồng trại xây dựng năm 2013 xác định trong phương án có tỷ lệ bồi thường là 50% phải là 100%.

- Yêu cầu lập lại đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với đất nuôi trồng thủy sản từ 20.000 đồng/m² thành 32.000 đồng/m².

- Yêu cầu lập lại phương án bồi thường về phần giá đất ở vì giá quá thấp.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện V có quan điểm:

Tại bản tự khai ngày 07/5/2018 (BL 140-145) của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

UBND huyện Vân Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Lê Văn S cụ thể:

- Đối với yêu cầu lập lại phương án phần số thứ tự 1,2,3 Mục A Bồi Thường Phần Đất: Thửa đất số 29, 30B, 45 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 1 Đất nuôi trồng thủy sản đơn giá bồi thường trong phương án là: 20.000 đồng/m² lên giá: 40.000 đồng/m². Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã , huyện V, Quảng Ninh, có phê duyệt đất nuôi trồng thủy sản (Đầm ven biển): 20.000đ/m². Do đó, ngày 14/8/2017 UBND huyện V ban hành Quyết định số 3934C/QĐ-UBND trong đó có phê duyệt phương án bồi thường diện tích thửa đất số 29, 30B, 45 tờ bản đồ GPMB số 1 với đơn giá là 20.000/m² là đúng quy định.

- Đối với yêu cầu lập lại hạng mục Mã tài sản 1063 mục đất đắp bờ ao (có bản vẽ sơ họa và bảng khối lượng bóc tách kèm theo), đơn giá bồi thường trong phương án là: 69.000 đồng/m² thành đơn giá: đất đào đắp thủ công=338.523 đồng theo quyết định 4234. Trong quá trình thực hiện kiểm đếm, lập phương án cho hộ gia đình ông Lê Văn S không cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan việc thực hiện đắp đất bằng thủ công nên không có căn cứ để bồi thường theo yêu cầu của ông Lê Văn S.

- Đối với yêu cầu lập lại các hạng mục vật kiến trúc trên thửa A số 27 tờ bản đồ GPMB số 01 bao gồm các số thứ tự: 1,3,4,6,9,10,22,31,32 và lập lại các hạng mục bể xây trên thửa số 27 số thứ tự 3,4 xác định trong phương án không bồi thường, không hỗ trợ được xác định là có sau thời điểm có thông báo thu hồi đất vì thông báo thu hồi đất không còn hiệu lực nên phải được bồi thường là 100%.

Các hạng mục Vật kiến trúc trên thửa A số 27 tờ bản đồ GPMB số 01 bao gồm các số thứ tự: 1,3,4,6,9,10,22,31,32 và các hạng mục bể xây trên thửa số 27 số thứ tự 3,4 đều được xác định xây dựng năm 2016, có sau thời điểm có thông báo chủ trương thu hồi đất nên không bồi thường, không hỗ trợ.

- Đối với yêu cầu lập lại các hạng mục công trình chuồng trại xây dựng năm 2013 xác định trong phương án có tỷ lệ bồi thường là 50% phải là 100%.

Bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất hộ ông/bà: Lê Văn S - Hoàng Thị ngày 14/3/2017, Ủy ban nhân dân xã H xác nhận: Chuồng trại chăn nuôi tường xây gạch xi mái lợp tôn xây dựng năm 2013; có trước thời điểm có chủ trương thông báo thu hồi đất số 66/TB-UBND của UBND huyện, tại thời điểm xây dựng không bị lập biên bản.

Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 25, Quyết định số: 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “Về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Công trình chuồng trại chăn nuôi thuộc thửa 30B đủ điều kiện bồi thường nhưng đất được sử dụng không đúng mục đích: Thửa đất số 30B được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ với mục đích là đất nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên hộ gia đình ông Sâm đã tôn tạo để xây chuồng trại và xây dựng vào năm 2013 nên chỉ được hỗ trợ 50% công trình.

- Đối với yêu cầu lập lại đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với đất nuôi trồng thủy sản từ 20.000 đồng/m² thành 32.000 đồng/m².

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Quyết định số: 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: “*Đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối: hỗ trợ bằng tiền 2,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định*”.

UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019, trong đó bảng giá đất nuôi trồng thủy sản đầm ven biển của xã H, huyện V là: 20.000 đồng/m².

Vì vậy, đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với đất nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình ông S là: 2,5 x 20.000 đồng x 12.261,9m². Yêu cầu lập lại đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với đất nuôi trồng thủy sản từ 20.000 đồng/m² thành 32.000 đồng/m² là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu lập lại phương án bồi thường về phần giá đất ở vì giá quá thấp.

Căn cứ Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã H, huyện V: Giá đất ở các thửa đất bám mặt đường nhánh 334-đất là 1.300.000 đồng/m².

Theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 144 Luật Đất đai 2013: Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể... Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Như vậy, giá đất bồi thường trong Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư phải căn cứ vào giá đất cụ thể theo Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – UBND xã H có quan điểm:

Căn cứ quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết dự án, Thông báo thu hồi đất, căn cứ vào bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng giải phóng mặt bằng, sơ đồ thửa đất, biên bản thống kê xác định khối lượng công trình kiến trúc, cây cối hoa màu có trên đất, hồ sơ địa chính, UBND xã H đã tiến hành họp xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Lê Văn S đối với thửa đất bị thu hồi và ban hành Bản chứng nhận nhà đất gửi UBND huyện Vân Đồn thực hiện công tác giải phóng mặt bằng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của UBND xã H đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH HDM có quan điểm: Công ty đã ký hợp đồng kinh tế với Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc UBND huyện V để thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng dự án, việc lập, trình phê duyệt phương án là thuộc trách nhiệm của UBND huyện V, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Q có cùng quan điểm với ông Lê Văn S và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn S.

Ngày 28/8/2018, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

* Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3934C/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện V và yêu cầu lập lại phương án bồi thường các nội dung sau:

- Phần số thứ tự 1,2,3 Mục A bồi thường phần đất: Thửa đất số 29, 30B, 45 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 1 Đất nuôi trồng thủy sản đơn giá bồi thường trong phương án là: 20.000 đồng/m² lên giá: 40.000 đồng/m².

- Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với đất nuôi trồng thủy sản nội địa, yêu cầu hỗ trợ theo đơn giá từ 32.000 đồng x 2.5 lần x 12.267,9m².

* Thay đổi yêu cầu khởi kiện các nội dung như sau:

- Nội dung yêu cầu lập lại hạng mục đất đắp bờ ao (Mã tài sản 1063) Đơn giá bồi thường trong phương án là: 69.000 đồng/m³. Tại đơn khởi kiện (BL 01-04), bản tự khai của người khởi kiện (BL 119-122), người khởi kiện yêu cầu bồi thường đất đào đắp thủ công với đơn giá 338.523 đồng/m³. Tại đơn trình bày (BL 357-

358) và người khởi kiện yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Đào đất công trình bằng thủ công đơn giá bồi thường là: 338.523m²; đắp đất công trình bằng thủ công đơn giá bồi thường: 284.667 đồng/m³ theo Quyết định số 4234/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Tại phiên tòa ngày 15/01/2019, người khởi kiện thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện: Chỉ yêu cầu lập phương án bồi thường đắp đất công trình bằng thủ công đơn giá bồi thường: 284.667 đồng/m³.

* Tại phiên tòa ngày 15/01/2019, người khởi kiện rút yêu cầu hủy phần Quyết định số 3934C/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện V và yêu cầu lập lại phương án bồi thường các nội dung sau:

- Yêu cầu lập lại hạng mục II (mã tài sản 233) vật kiến trúc trong phương án bồi thường: Nhà mái bằng 1 tầng khung chịu lực có gác xếp bê tông cốt thép có cầu thang D110 Sơn Bả, đơn giá bồi thường trong phương án là: 3.421.822 đồng thành hạng mục: Nhà mái bằng 1 tầng khung chịu lực có gác xếp bê tông cốt thép có cầu thang D 220 Sơn Bả, đơn giá bồi thường phải là: 3.613.652 đồng.

- Yêu cầu lập lại các hạng mục Vật kiến trúc trên thửa A số 27 tờ bản đồ GPMB số 01 bao gồm các số thứ tự: 1, 3, 4, 6, 9, 10, 22, 31, 32 (BL 35-37; 196-197) và lập lại các hạng mục bề xây trên thửa số 27 số thứ tự 3,4 (BL 37; 197) xác định trong phương án không bồi thường, không hỗ trợ được xác định là có sau thời điểm có thông báo thu hồi đất vì thông báo thu hồi đất không còn hiệu lực nên phải được bồi thường là 100%.

- Yêu cầu lập lại các hạng mục công trình chuồng trại xây dựng năm 2013 thuộc thửa 30 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 01 xác định trong phương án có tỷ lệ bồi thường là 50% phải là 100%.

- Yêu cầu lập lại phương án bồi thường về phần giá đất ở vì giá quá thấp.

Người bị kiện có quan điểm đồng ý với việc rút các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa ngày 19/4/2019, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có quan điểm đồng ý với các yêu cầu:

- Phần số thứ tự 1,2,3 Mục A bồi thường phần đất: Thửa đất số 29, 30B, 45 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 1 Đất nuôi trồng thủy sản đơn giá bồi thường trong phương án là: 20.000 đồng/m² lên giá: 40.000 đồng/m².

- Đơn giá hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với đất nuôi trồng thủy sản nội địa, yêu cầu hỗ trợ theo đơn giá từ 32.000 đồng x 2.5 lần x 12.267,9m².

Tuy nhiên, đại diện người khởi kiện vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện này.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn sơ thẩm theo Điều 190 Luật tố tụng hành chính, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng về cơ bản là thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Sâm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 14/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 3934C/QĐ-UBND “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Lê Văn S, trú tại thôn 3, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh thuộc dự án: xây dựng quần thể sân golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã H”.

Ông Lê Văn S cho rằng Quyết định số 3934C/QĐ-UBND xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ngày 11/3/2018, ông Lê Văn S khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3934C/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND huyện V và buộc UBND huyện Vân Đồn lập lại phương án bồi thường một số hạng mục cho gia đình ông S là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý và đưa ra xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3934C/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện V, Hội đồng xét xử thấy:

Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành:

Dự án xây dựng quần thể sân golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã H được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 16/10/2007 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Ngày 25 tháng 3 năm 2014 UBND huyện V ban hành thông báo số 66/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại (93,97ha) dự án. Ngày 14/8/2017, UBND huyện V ban hành Quyết định số 3934B/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn S. Trên cơ sở quyết định phê duyệt dự án, quyết định thu hồi đất và căn cứ vào các tài liệu liên quan đến nguồn gốc đất quá trình sử dụng đất và hồ sơ kiểm đếm, ngày 11/11/2016, UBND huyện V ban hành Quyết định số 3934C/QĐ-UBND “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Lê Văn S, trú tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh thuộc dự án: xây dựng quần thể sân golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã H” là đảm bảo trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013.

Về nội dung quyết định số 3934C/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V:

Xét nội dung Quyết định số 3934C/QĐ-UBND và yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn S, hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Xét nội dung yêu cầu lập lại phương án phần số thứ tự 1,2,3 Mục A bồi thường phần đất: Thửa đất số 29, 30B, 45 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 1 Đất nuôi trồng thủy sản đơn giá bồi

thường trong phương án là: 20.000 đồng/m² lên giá: 40.000 đồng/m².

Hộ gia đình ông Lê Văn S có thửa đất số 29, 30B, 45 thuộc tờ bản đồ GPMB số 01 (tương đương với các thửa 134/48/BĐĐC, 25,143/48/BĐĐC và 54, 35,134/48/BĐĐC (BL 213-215). Theo bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất ngày 14/3/2017 của UBND xã H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nguồn gốc các thửa đất này như sau: Tổng diện tích 12.261,9m², được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 873 ngày 24/01/2003 với diện tích Ao1 là 11.984m², trong đó có 400m² đất ở và 1666,5m² đất nuôi trồng thủy sản (BL 279), diện tích chênh lệch tăng hơn so với giấy chứng nhận là: 277,9m², được xác định là do sai số trong quá trình đo đạc (BL 225-226).

Phần diện tích đất tại thửa 29, 30B được gia đình ông Lê Văn S tự ý tôn tạo để xây dựng nhà ở, chuồng trại, trồng cây lâu năm, hàng năm, tại thời điểm tôn tạo không bị lập biên bản, phần diện tích tại thửa đất số 45 gia đình sử dụng nuôi cá nước lợ.

Căn cứ Khoản 1, Điều 11 Luật Đất đai 2013:

"Điều 1. Căn cứ để xác định loại đất

Việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất."

Các thửa đất số 29, 30B, 45 tờ bản đồ GPMB số 01 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất nuôi trồng thủy sản. Vậy, loại đất được xác định của các thửa đất này là đất nuôi trồng thủy sản.

UBND huyện V căn cứ Quyết định số: 411/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh "Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại Khu vực Ao tiên, tại xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh", bồi thường đất nuôi trồng thủy sản (Đầm ven biển): 20.000đ/m².

Người khởi kiện yêu cầu căn cứ Quyết định 2369/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể dự án sân golf: Đất nuôi trồng thủy sản (hồ, đầm nội địa): 40.000đ/m².

Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa trước, các bên không thống nhất được trong việc xác định thế nào là đất nuôi trồng thủy sản đầm ven biển, thế nào là đất nuôi trồng thủy sản hồ, đầm nội địa.

Ngày 15/1/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh có Công văn số 18/CV-TA, đề nghị UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh có hướng dẫn cụ thể, giải thích thuật ngữ thế nào là đất nuôi trồng thủy sản đầm ven biển, thế nào là đất nuôi trồng thủy sản hồ, đầm nội địa theo Quyết định 1766/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của

UBND tỉnh Quảng Ninh đề làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ngày 12/3/2019, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh đã có văn bản số 723/SNNPTNT-CCTS về việc trao đổi một số thông tin về thuật ngữ "đất nuôi trồng thủy sản". Theo đó: "*Đất nuôi trồng thủy sản "Hồ, đầm nội địa" hay còn gọi là "Hồ, đầm nước ngọt" được hiểu là: Vùng nước trũng chứa nước ngọt được con người đào, đắp để nuôi trồng các loài thủy sản nước ngọt (có độ mặn từ 0 đến dưới 5 phần nghìn)*".

Tại Giấy chứng nhận kết quả phân tích số 27/HĐD ngày 28/7/2018 của Trung tâm khoa học kỹ thuật và sản xuất giống thủy sản Quảng Ninh thể hiện mẫu nước trong ao nuôi cá nhà ông Lê Văn S – bà Hoàng Thị Q có độ mặn là 2‰ (BL 361), đầm nhà ông S được đào đắp để thực hiện nuôi trồng thủy sản.

Đối chiếu với hướng dẫn tại văn bản nêu trên của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh, đất nuôi trồng thủy sản của ông Sâm là đất nuôi trồng thủy sản hồ, đầm nội địa.

Quyết định số 3934C/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Lê Văn S tại các thửa đất thửa đất số 29, 30B, 45 tờ bản đồ GPMB số 01 bồi thường đất nuôi trồng thủy sản (Đầm ven biển): 20.000đ/m² là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ ông Lê Văn S.

[2.2] Đối với yêu cầu lập lại đơn giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại đơn khởi kiện (BL 01 – 04) và Bản tự khai (Bl 119-121), người khởi kiện yêu cầu hỗ trợ theo đơn giá từ 20.000 đồng lên 32.000đ.

Lý do: Đất của ông Lê Văn S là đất nuôi trồng thủy sản nội địa, được hỗ trợ theo đơn giá 32.000 đồng của Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh, và căn cứ theo đơn giá này, khi hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với đất nuôi trồng thủy sản thì phải căn cứ theo đơn giá này và được tính 32.000 đồng x 2.5 lần x 12.267,9m² (áp dụng khoản 1, Điều 13 Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh).

Hội đồng xét xử thấy:

Từ nhận định tại mục [2.1] nêu trên, có căn cứ để xác định đất nuôi trồng thủy sản của ông Lê Văn S là đất nuôi trồng thủy sản hồ, đầm nội địa.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 13 Quyết định số: 1766/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: "*Đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối: hỗ trợ bằng tiền 2,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định*".

- Căn cứ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019, trong đó bảng giá đất nuôi trồng thủy sản hồ, đầm nội địa của xã H, huyện V là: 32.000 đồng/m².

Việc ông Lê Văn S yêu cầu tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 32.000 đồng x 2.5 lần x 12.267,9m² là có căn cứ.

[2.3]. Xét nội dung yêu cầu lập lại hạng mục đất đắp bờ ao (Mã tài sản 1063) Đơn giá bồi thường trong phương án là: 69.000 đồng/m³ (BL 35, 195). Tại đơn khởi kiện (BL 01-04), bản tự khai của người khởi kiện (BL 119-122), người khởi kiện yêu cầu bồi thường đất đào đắp thủ công với đơn giá 338.523 đồng/m³. Tại đơn trình bày (BL 357-358) và người khởi kiện yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu lập phương án bồi thường công: Đào đất công trình bằng thủ công đơn giá bồi thường là: 338.523m²; đắp đất công trình bằng thủ công đơn giá bồi thường: 284.667 đồng/m³ theo Quyết định số 4234/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện: Chỉ yêu cầu lập lại phương án bồi thường, yêu cầu bồi thường công đắp đất công trình bằng thủ công đơn giá bồi thường: 284.667 đồng/m³. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đến yêu cầu bồi thường công đào đất công trình mà chỉ xem xét đến yêu cầu lập lại phương án bồi thường công đắp đất công trình bằng thủ công.

Theo Bộ đơn giá ban hành kèm theo Quyết định 4234/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh, tại mục II phần A chương V đơn giá chi tiết số thứ tự 2 đối với: *Đắp đất công trình bằng thủ công đơn giá bồi thường là 284.667 đồng/m³.*

Tại khoản 3 của Quyết định 4234/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định: "*Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt bổ sung các danh mục đơn giá chưa có trong Bộ đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này...*".

Theo sự ủy quyền của UBND tỉnh Quảng Ninh, UBND huyện V ban hành Quyết định 316/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 "*về việc phê duyệt đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất chưa có trong Quyết định 4234/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh trên địa bàn huyện V*", tại số thứ tự 389 phần B quy định đơn giá chi tiết: Đắp đất bờ ao, bờ đầm đơn giá là 69.000đ/m³ (BL 165).

Người bị kiện có quan điểm: Trong trường hợp các hộ dân chứng minh được công trình đào, đắp đất bằng thủ công thì thực hiện theo đơn giá Quyết định 4234/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh, trường hợp các hộ gia đình có căn cứ, hồ sơ chứng từ chứng minh được tỷ lệ % giữa đào đắp thủ công vào cơ giới: Tiến hành thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với hạng mục ao, đầm nuôi trồng thủy sản theo hồ sơ hợp pháp; trường hợp các hộ dân không chứng minh được tỉ lệ % giữa đào, đắp bằng thủ công và đào đắp bằng máy thì thực hiện theo Quyết định 316/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của UBND huyện V, là đơn giá xác định trong trường hợp vừa đào, đắp bằng thủ công vừa đào đắp bằng máy.

Người khởi kiện cung cấp tài liệu Vi bằng số 235/2018/VP-TPL ngày 18/11/2018 và tài liệu đính chính vi bằng số 36/CV ngày 21/12/2018 có nội dung: Ông Lê Văn , ông Lương Văn C, ông Nguyễn Văn D, ông Vũ Văn Q, bà Lê Thị H, bà Trần Thị , ông Nguyễn Văn V, bà Đỗ Thị N, ông Lê Văn N, ông Bùi Văn T, ông Đỗ Minh T, ông Lê Văn B, bà Trần Thị T, bà Lê Thị H, ông Hoàng Văn N, ông Lê Văn S, ông Lê Văn V, ông Lê Văn S được ông Lê Văn S – bà Hoàng Thị Q thuê

đào ao, đầm. Thời gian thuê là từ tháng 8/1992 đến đầu năm 1993, số lượng từ 25-30 người. Đào đắp bằng thủ công, dùng mai, kéo cắt đất để đào đất từ lòng ao chuyển tay dây chuyền, vác đất để đắp. Mức thuê khoán bình quân là 2 khối/ngày, với số tiền là 10.000đồng/2 khối, đào đắp đất cấp 2, khối lượng đã thực hiện là khoảng 8000m³ (BL 386-401).

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành lập Biên bản lấy lời khai của những người làm chứng nêu trên (Bl 405-519), lời khai cơ bản phù hợp tài liệu vi bằng nêu trên, có nội dung: thời điểm từ tháng 8/1992 đến đầu năm 1993 được ông Lê Văn S thuê đào đắp ao đầm tại địa chỉ thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, được trả công theo khối lượng đào đắp, 1m³ đào đắp được trả 5000đ, trung bình mỗi ngày mỗi người làm được 2m³. Công việc thực hiện không có máy móc hỗ trợ, chỉ thực hiện thủ công bằng chân tay, dùng mai, kéo, cắt đất để đào đất từ lòng ao chuyển tay dây chuyền, vác đất lên để đắp bờ ao.

Tại phiên tòa, các ông Nguyễn Văn V, Lê Văn , Lê Văn B Lê Văn S, Lê Văn S đều vẫn khẳng định được ông S thuê đào đắp, và là người trực tiếp đắp đầm bằng phương pháp thủ công từ khoảng cuối năm 1992 đến đầu năm 1994, còn thời gian cụ thể vì thời gian lâu nên không nhớ.

Người bị kiện không chấp nhận những lời khai của những người làm chứng này với lý do việc ông S thuê những người này đào đắp bình quân mỗi người là 2 khối một ngày, thời gian làm từ tháng 8/1992 và đến đầu năm 1993, khối lượng đào đắp công trình thủ công loại đất cấp 2 là trên 8000m³ với lý do số liệu trên mang tính ước lệ, không chính xác. Áp dụng định mức xây dựng tại văn bản số 1776/BXD-VP ngày 16/6/2007 của Bộ xây dựng thì đối với hoạt động đào + đắp thủ công đất cấp II (mã hiệu AB.11532 và AB.13211) cần 1,57 công để đào và đắp 1m³ đất cấp II (1,57 công tương ứng với 12,56 giờ), như vậy với khối lượng đào đắp 8000m³ thì cần 12.560 công (tương ứng với 100.480 giờ - 4186,6 ngày).

Ngoài ra, người bị kiện có cung cấp các tài liệu sau: Biên bản làm việc ngày 08/01/2019 giữa đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện , Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V, UBND xã H với bà Lê Thị Tuyết M (chủ máy xúc) và ông Phạm Huy Th (lái máy xúc) có nội dung: Bà Lê Thị Tuyết M xác nhận: Năm 2001, bà Tuyết M có nhận công trình đắp ao đầm cho các hộ dân ở Máng Đá, xã Hạ Long, và thuê anh T lái máy xúc tại khu vực đó, cũng cho phép anh T nhận thêm công trình đào đắp, ao đầm cho các hộ dân lân cận để tăng thu nhập. Ông Phạm Huy Th có ý kiến: Thời điểm năm 2001 là người trực tiếp lái máy xúc đào đắp ao đầm cho hộ ông Lê Văn S với diện tích ao là khoảng 7000m³.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng đầm nhà ông S được đào đắp vào năm 2001 bằng máy do anh T được ông S thuê.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ này, Hội đồng xét xử nhận định:

Các tài liệu, căn cứ mà người bị kiện đưa ra, không chứng minh được ông Lê Văn S thực hiện việc đào đắp công trình bằng máy tại thửa số 45 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 01. Tại biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị Tuyết M thể hiện bà chỉ là chủ máy xúc, việc thực hiện là anh T và ông S tự liên hệ với nhau, bà không liên quan và không biết cụ thể (BL 532). Tòa án đã triệu tập anh T theo địa chỉ mà

người bị kiện cung cấp nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia. Người bị kiện cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác thể hiện anh T là người lái máy xúc đào đắp đầm cho ông S.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn S có quan điểm không thuê máy xúc để đào đắp ao đầm như quan điểm của người bị kiện, cũng không biết bà Lê Thị Tuyết M và ông Phạm Huy T.

Ao, đầm nhà ông S bắt đầu được hình thành từ năm 1991 (thể hiện bằng việc ông Lê Văn S có đơn xin vay vốn đào ao nuôi trồng thủy sản được chính quyền địa phương xác nhận năm 1991 (BL 422-426) và những người được ông Lê Văn S thuê cũng xác nhận năm 1992-1993 đã thực hiện đào đắp ao đầm cho ông Lê Văn S). Ngoài ra, tại văn bản thẩm định đầu tư của Ngân hàng nông nghiệp huyện Cẩm Phả ngày 22/4/1993 cũng thể hiện "*thực tế, công trình đang thi công dở dang, khối lượng công trình đạt 1/2 phần đất và công móng*". Ông Lê Văn S cũng cung cấp Thông báo nộp thuế thể hiện ông S đã nộp thuế đất nông nghiệp ao, hồ năm 2000. Nên không có căn cứ năm 2001 mới bắt đầu đào, đắp bằng máy như tài liệu, chứng cứ người bị kiện cung cấp.

Hội đồng xét xử thấy có căn cứ thể hiện ông Lê Văn S đã thực hiện đắp đất công trình bằng thủ công, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường *Đắp đất công trình bằng thủ công đơn giá bồi thường là 284.667 đồng/m³*.

Như vậy, Quyết định số 3934C/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Lê Văn S hạng mục đất đắp bờ ao (Mã tài sản 1063) cho hộ ông Lê Văn S với đơn giá bồi thường trong phương án là: 69.000 đồng/m³ là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ ông Lê Văn S.

[2.4]. Đối với các yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu lập lại hạng mục II (mã tài sản 233) vật kiến trúc trong phương án bồi thường: Nhà mái bằng 1 tầng khung chịu lực có gác xép bê tông cốt thép có cầu thang D110 Sơn Bả, đơn giá bồi thường trong phương án là: 3.421.822 đồng thành hạng mục: Nhà mái bằng 1 tầng khung chịu lực có gác xép bê tông cốt thép có cầu thang D 220 Sơn Bả, đơn giá bồi thường phải là: 3.613.652 đồng.

- Yêu cầu lập lại các hạng mục Vật kiến trúc trên thửa A số 27 tờ bản đồ GPMB số 01 bao gồm các số thứ tự: 1, 3, 4, 6, 9, 10, 22, 31, 32 (BL 35-37; 196-197) và lập lại các hạng mục bề xây trên thửa số 27 số thứ tự 3,4 (BL 37; 197) xác định trong phương án không bồi thường, không hỗ trợ được xác định là có sau thời điểm có thông báo thu hồi đất vì thông báo thu hồi đất không còn hiệu lực nên phải được bồi thường là 100%.

- Yêu cầu lập lại các hạng mục công trình chuồng trại xây dựng năm 2013 thuộc thửa 30 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 01 xác định trong phương án có tỷ lệ bồi thường là 50% phải là 100% (Bl 38; 198).

- Yêu cầu lập lại phương án bồi thường về phần giá đất ở vì giá quá thấp.

Tại phiên tòa, đại diện người khởi kiện, người khởi kiện có quan điểm rút các yêu cầu khởi kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3934C/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Lê Văn S các nội dung phê duyệt sau:

+ Các thửa đất thửa đất số 29, 30B, 45 tờ bản đồ GPMB số 01 bồi thường đất nuôi trồng thủy sản (Đầm ven biển): 20.000đ/m².

+ Các hạng mục đất đắp bờ ao (Mã tài sản 1063) cho hộ ông Lê Văn Sâm với đơn giá bồi thường trong phương án là: 69.000 đồng/m³;

+ Đơn giá tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 20.000đ/m².

Buộc UBND huyện V phải lập lại phương án bồi thường đối với các hạng mục nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Lê Văn S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho ông Lê Văn S số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại cơ quan thi hành án.

UBND huyện V phải chịu án phí hành chính theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 69 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn S về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3934C/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Lê Văn S các nội dung phê duyệt sau:

+ Tại các thửa đất thửa đất số 29, 30B, 45 tờ bản đồ GPMB số 01 bồi thường đất nuôi trồng thủy sản (Đầm ven biển): 20.000đ/m².

+ Các hạng mục đất đắp bờ ao (Mã tài sản 1063) cho hộ ông Lê Văn Sâm với đơn giá bồi thường trong phương án là: 69.000 đồng/m³;

+ Đơn giá tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 20.000đ/m².

Buộc UBND huyện Vân Đ phải lập, phê duyệt lại phương án bồi thường đối với các hạng mục nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ông Lê Văn S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông Lê Văn S 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000839 ngày 14/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Ủy ban nhân dân huyện V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án

phí hành chính sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt người khởi kiện, người đại diện của người khởi kiện, đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh QN
- Các đương sự
- THA, VP
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Vũ Công Mười

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Thúy Dương Thị Kim

Vũ Công Mười

